

# THIÊN, TỊNH VÀ MẬT

## Ba pháp tu truyền thống của Phật Giáo Việt Nam

*Thích Đức Trí*

*(tiếp theo kỳ trước)*

### II. Tư tưởng Mật tông và Mật tông tại Việt Nam

#### 1- Tư tưởng Mật tông

Chúng ta có thể khẳng định, tư tưởng Mật tông nền móng từ trong giáo lý Nguyên Thủy. Các vị tổ sư và luận sư Phật học triển khai con đường giải thoát từ chân lý Phật dạy thông qua giáo nghĩa Mật tông. Trong giáo lý Nguyên Thủy, vấn đề đọa lạc, hay quán tưởng công đức Phật đều cảm ứng năng lực bảo hộ, giải thoát các chướng nạn trong đời sống. Kinh kinh Trường Bộ có thuật lại rằng, vì muốn bảo hộ cho đời sống cho người xuất gia và tại gia tu học, Tỳ-sa-môn (Vessavana) đã khuyến thỉnh Đức Phật dùng thần chú hàng phục chúng Được Xoa, và được đức Phật cho phép.

Kinh chép như sau: “Bạch Thế Tôn, hãy học chú Atànàtiyarakkha (A-sá-nang-chi Hộ Kinh) để học được lòng tin, để các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ có thể sống an lạc, được che chở, được hộ trì không bị tai họa... Thế Tôn im lặng chấp thuận.” [17] Một trường hợp khác, kinh Tạp A Hàm, bài kinh: Ưu-Ba-Tiên-Na, kể lại rằng: Tôn giả Ưu-ba-tiên-na đang ngồi thiền trong hang, bị một con rắn độc làm hại chết, ngài Xá Lợi Phất bạch Phật về sự kiện này. Đức Phật nói một bài kệ dài, sau cùng đọc bài chú hàng phục rắn độc như sau: “Ô-đam-bà-lê, đam-bà-lê, đam-lục, ba-la-đam-lục, nại-tí, túc-nại-tí, chỉ-bạt-tí, văn-na-di, tam-ma-di, đàn-đế, ni-la-chỉ-thí, bà-la-câu-bế-ô-lê, ô-ngu-lê, tất-bà-ha” và Thế tôn dạy tiếp: “Này Xá-lợi-phất, nếu lúc ấy thiện gia nam tử Ưu-ba-tiên-na mà đọc bài kệ này, tụng những câu này, thì chắc chắn rắn độc không rơi trúng người và thân thể cũng không hủy hoại như đồng trấu nát.” [18]

Phải chăng, đây là năng lực thâm uyên của Pháp, về giáo Pháp, diệu dụng Pháp không thể nghĩ bàn mà các bậc tổ sư, các bậc giác ngộ triển khai tư tưởng Mật tông. Năng lực chú pháp trong Mật tông không chỉ yếu tố bảo hộ đời sống thông thường, mà phát huy theo mục đích thiền định, giải thoát.

Kinh điển Mật tông xuất hiện khá sớm tại Ấn Độ, nhưng chính thức thành tông phái từ thế kỷ thứ VII. Long Thọ (Nagarjuna, 600-650) được xem là vị tổ Mật Tông. Tiếp theo các thế hệ truyền thừa và có công phát triển giáo phái này là Long Trí (Nagabodhi), Kim Cương Trí (Vajrabodhi, 663-723), Bất Không Kim Cương (Amoghavajra, 750-774), Thiện Vô Úy (Subhakarasiṃha, 637-735), Nhất Hạnh (638-727, người Trung Hoa). Trên mặt giáo nghĩa thì được phân ra Chân ngôn thừa (Mantrayāna) và Kim cương thừa (Vajrayāna). Khi được truyền đến Trung Hoa, Mật Tông được kết hợp lý luận và thực tiễn, phát triển rộng rãi. Mật tông được truyền vào Tây Tạng và thế kỷ thứ VIII do ngài Liên Hoa Sinh (Padmasambhava), lập ra phái Ninh Mã (Nyingmapa). Người có công cải cách và phát triển Mật tông Tây Tạng là Tông Khách Ba (1357-1419), người xứ Đông Bắc Tây Tạng, sáng lập tông phái Hoàng Mạo (Gelugpa). Tông Khách Ba đã tổng kết tư tưởng Mật tông với hai tác phẩm: Bồ đề thứ đạo (Lamrin Chenmo), tiêu biểu lối tu hiền giáo và Chân ngôn thứ đệ (Nagrim Chenmo), tiêu biểu pháp tu Mật giáo. Mật giáo được hình thành và phát triển vào giai đoạn thứ ba của Đại thừa tại Ấn Độ, sau hai thời kỳ Bát Nhã (Prajna) và Duy Thức (Vijnapti). Hai bộ kinh cơ bản của Mật giáo (cũng gọi là Mật tông) là *Kinh Đại Nhật* và *Kinh Kim Cương Đỉnh*. [19] Mật tông lấy tư tưởng Đại thừa Trung Quán Phái và Du Già Hành Phái làm cơ sở lý luận, biểu

hiện pháp hành qua tụng thần chú, nghi lễ, tín ngưỡng về bốn tôn. *Kinh Đại Nhật* chủ yếu trình bày giáo nghĩa, các nghi thức và pháp hành, nghi thức cúng dường. Kinh Kim Cang Đỉnh, lấy Đại Nhật Như Lai làm thọ dụng thân, giải thích ý nghĩa “Ngũ Phật Hiện Ngũ trí”. Đại Nhật Như Lai ở trung ương (Chính Giữa) là bản thể pháp giới. A Súc Như Lai ở phương đông là Đại Viên Cảnh Trí. Bảo Sanh Như Lai ở phương nam là Bình Đăng Tánh Trí. Vô Lượng Thọ Như Lai ở phương Tây là Diệu Quán Sát Trí. Bất Không Thành Tựu Như Lai ở phương bắc là Thành Sở Tác Trí. Giáo nghĩa Mật Tông, dùng Mandala là đối tượng thiền quán và phát huy diệu dụng sự tu tập. Thai tạng giới Mandala là tánh thai tạng phát sanh mọi công đức; Kim cang giới Mandala biểu trưng trí tuệ viên mãn của Phật. Thai tạng là lý, Kim cang là trí. Yếu tố Mantra là thần chú, có sức mạnh siêu nhiên, chính nhờ đọc thần chú giúp tâm trong sạch và siêu thoát nghiệp lực. Mật Tông chân chánh là thực hành chú pháp để cầu gia trì và y vào đạo lý Bát Nhã để cầu khai ngộ, chủ trương “Tam mật tương ưng, sát na viên mãn”. [20] Tụng thần chú gọi là “Khẩu Mật”, quyết ấn và điều hòa thân gọi là: “Thân Mật” và tâm ý quán tưởng gọi là “Ý Mật”. Tam Mật thân khẩu và ý tương ưng tức thân thành Phật. Đó là triết lý căn bản của giáo nghĩa Mật tông.

## 2- Mật tông Việt Nam

Kinh điển liên quan đến Mật tông xuất hiện khoảng đầu thế kỷ thứ 6. Tỳ Ni Đa Lưu Chi đã dịch và phổ biến kinh *Đại Thừa Phương Quảng Tổng Trì* tại Việt Nam. Sự kiện phát hiện di tích trụ đá khắc bài chú Phật Đỉnh Tối Thắng Đà La Ni (*Usnisavijaya dharani*) tại Hoa Lư, Ninh Bình, do Đinh Liễn, con trai của Đinh Tiên Hoàng dựng năm 937. Về sau phát hiện thêm 14 trụ đá có khắc bài chú nổi tiếng này, chứng tỏ ảnh hưởng Mật tông đối với thời đại đó rất phổ biến. Các thế kỷ sau, thiền sư đã sử dụng thần chú. Như thiền sư Ma Ha Ma Ya (Mahamaya) nổi tiếng Pháp thuật, đã từng theo học với thiền sư Pháp Thuận. *Thiền Uyển Tập Anh* cũng có chép rằng: “Sư đến chùa Cổ Sơn thọ giáo với pháp sư Đổ Thuận. Sư chuyên sám hối và trì đại bi tâm chú, trải qua ba năm chưa từng một chút biếng trễ bèn được Bồ Tát Quan Âm lấy nước sạch cảnh dương rưới lên đầu và mặt, mắt bỗng dưng sáng lên và lòng thêm thanh tịnh.” [21] Thiền sư Đạo Hạnh (?-1117) cũng người giỏi pháp thuật thường hành trì tụng chú đại bi. Trong *Thiền Uyển Tập Anh*, Lý Nhân Tông khen ngợi năng lực tu hành và khả năng pháp thuật của thiền sư Giác Hải và thiền sư Thông Huyền với bài thơ rất hay: “Giác Hải tâm như Hải. Thông Huyền đạo lại Huyền. Thần thông cùng biến hóa. Một Phật một thần tiên.” [22] Thiền sư Vạn Hạnh (?-1025) cũng từng hành pháp Mật tông, *Thiền Uyển Tập Anh* chép: “Sư chuyên tập pháp quán tổng trì tam ma địa, lấy đó làm việc riêng của mình. Bấy giờ ông nói ra điều gì thiên hạ cho là phù sấm. Hoàng đế Lê Đại Hành hết lòng tôn kính sư.” Sau khi Thiền sư Vạn Hạnh viên tịch, Lý Nhân Tông cũng thương tiếc và làm thơ tán: “Vạn Hạnh dung ba cõi, thật hiệp lời sấm xưa. Quê hương tên Pháp Cổ, Chống gậy trấn kinh đô.” [23] Đó là bằng chứng cụ thể, ghi lại các thiền sư xưa kia đã từng tu pháp Mật tông.

Thời cận đại, có nhiều vị Tăng, Cư sĩ học giả đã có công tu trì và nghiên cứu, phiên dịch kinh sách để phát triển Mật tông tại Việt Nam. HT. Nhẫn Tế (1889), người tỉnh Bình Dương đã từng tham học với HT. Thích Tuệ Đăng, tại chùa núi Thiên Thai, Bà Rịa Vũng Tàu, đã đi Ấn Độ và Tây Tạng theo học Mật tông. Từ năm 1928, ngài Khánh Hòa có thỉnh ba tạng kinh, có liên quan Mật giáo. Tiếp theo, có HT. Thích Thiên Tâm có dịch những bản kinh liên quan đến Mật tông, như *Kinh Đại Bi*, *Tôn Thắng Phật Đảnh*. Thầy Thích Đồng Hạnh dịch *Pháp Yếu căn bản Mật tông*, *Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà La Ni*. Ngoài ra, có cư sĩ Phi Bằng dịch *Thánh Cứu Độ Phật Mẫu Tu Trì Pháp*. Thầy Thích Quảng Trí và cư sĩ Huyền Thanh đang nỗ lực nhiều kinh điển liên quan Mật tông. Trước 1975, thầy Thích Viên Đức cũng âm thầm dịch thuật và sưu tập nhiều kinh điển Mật Tông v.v... Gần nhất có HT. Thích Viên Thành được ghi nhận là có tiếp nhận từ dòng truyền thừa Drukpa. Đây là dòng Mật tông có hệ phái truyền thừa, và lịch sử chép lại có nhiều vị đại sư chứng ngộ. Nhưng theo nhiều khảo cứu của một số học giả hiện nay nhận xét, tuy có một số cao tăng, học giả có tâm huyết nghiên cứu phát triển Mật tông, nhưng Mật tông Việt Nam chưa định hình thành một tông phái có hệ thống. Trong thiền môn nhật tụng Việt Nam và Trung Hoa thì thời công phu sáng có tụng

Chú Lăng Nghiêm, Thập chú, chú Đại Bi, Ngũ Bộ Thần Chú, Lục Tự Đại Minh Chú, v.v... Đó là những chú đưa vào tu niệm hằng ngày. Ý nghĩa những chú đó có kinh điển giải thích rõ ràng, có nhiều lợi lạc trong đời sống tu tập, được chư Tăng và Phật tử đã thực hành lâu nay. Nhưng đó chỉ là một phần căn bản trích từ kinh điển Mật tông. Một người tu học chánh kiến, tụng kinh, tụng chú để giúp cho ba nghiệp thân, khẩu và ý thanh tịnh. Mục đích sau cùng của sự tu tập, chuyển hóa nghiệp thức, giác ngộ. Trong giáo lý Mật tông có nhiều cấp độ, triết lý rất thâm sâu, phong phú, cần hiểu giáo lý và có bậc thầy hướng dẫn thì sự tu tập mới mau thành tựu.

### III. Tịnh độ Việt Nam

#### 1- Chánh tín về giáo nghĩa Tịnh độ

Tịnh độ là tông phái thuộc đại thừa Phật giáo, các tổ sư là những bậc thẫu triết chân lý Phật dạy với nhiều phương diện đã xiển dương giáo lý siêu việt này. Kinh điển phổ biến là *Kinh Bát Chu Tam Muội*, *Kinh A Di Đà*, *Kinh Vô Lượng Thọ*, *Kinh Quán Vô Lượng Thọ*, và *Vãng Sanh Tịnh Độ Luận*; còn có nhiều kinh luận khác trong văn hệ Đại thừa. Dù pháp môn này hình thành ở Trung Hoa, Việt Nam hay bất cứ quốc gia nào, vấn đề tu tập cũng lấy kinh luận làm tông chỉ. Đó là niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, niệm Phật chứng đắc Tam muội, đắc tuệ giải thoát. Niệm Phật chuyển hóa tâm thức, nghiệp chướng tiêu trừ, thăng hoa đời sống. Tịnh độ là pháp môn dễ dàng phổ cập mọi căn cơ, dễ tu hành. Nhưng thực chất nhận thức đúng về pháp môn này mới có niềm tin trọn vẹn. Chúng ta cần có tầm nhìn bao quát về kinh văn Nguyên Thủy và Đại Thừa để có quan niệm đúng về giáo lý Tịnh Độ. Những bài kinh liên quan như *Kinh Đại Thiện Kiến Vương* [24], *Kinh Lâu Đài Của Nàng Chiên Đà La* [25], *Lâu Đài do Cúng Mè* [26], *Thiên Cung Sự* - trong Tiểu Bộ Kinh, v.v... Từ đó, mới biết pháp môn niệm Phật, quán tưởng công đức Phật, hay nương nhờ bốn nguyện Phật, hóa sanh hay vãng sanh trong giáo lý Đại thừa là đặc chất vi diệu của Phật bảo và Pháp bảo. Tịnh độ vận dụng đặc chất vi diệu đó mà mở bày hai yếu tố tự lực và tha lực trong sự tu tập. Nhận thức như thế, chúng ta tránh đi niềm tin mập mờ, thiếu căn cứ và có thái độ trân trọng triết lý thâm uyên của lý Tịnh Độ.

#### 1- Tịnh Độ Việt Nam

Vấn đề giáo lý Tịnh độ xuất hiện ở nước ta vào thế kỷ thứ V (TL), văn bản khảo cứu có tính thuyết phục là tác phẩm *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam*, tác giả Lê Mạnh Thát, có đề cập đến giáo lý Tịnh độ. Đó là hành trạng tu tập của Sa Môn Thích Đàm Hoảng tại miền bắc nước ta. "Cứ Cao Tăng truyện 12 tờ 405c19-28, cuộc đời và vụ tự thiêu của Đàm Hoảng như thế này: "Thích Đàm Hoảng, người Hoàng Long, nhỏ tu giới hạnh, chuyên sành luật bộ. Trong khoảng Tống Vĩnh sơ (420-422) nam dư Phiên Ngung, dừng lại ở chùa Đài, sau lại đến chùa Tiên Sơn của Giao Chỉ, tụng Vô lượng thọ và Quán kinh, lòng thể về An dưỡng." [27] Ngoài tài liệu này ra, Lê Mạnh Thát còn trích dẫn một đoạn văn từ *Vãng Sanh Tịnh Độ Truyện* do Giới Châu viết như sau: "Thích Đàm Hoảng, người Hoàng Long, hoặc nói là người Cao Bưu của Quảng Lăng, trong khoảng Tống Vĩnh sơ, nam du Phiên Ngung, dừng ở chùa Đài, sau đến chùa Tiên Sơn của Giao Chỉ. Ngoài việc đèn nhang, hoàn toàn không làm việc gì khác, chỉ tụng Vô lượng thọ và Quán kinh, không biết bao nhiêu lần. Hoảng mỗi lần niệm, nói: "Một thân muôn nôi, niệm chính khó giữ, có thể nương niệm chính, mới sớm thấy Di Đà." [28] Theo *Phật Giáo Sử Luận* của Nguyễn Lang, Lý Thánh Tông, vào năm 1057 có một vị tướng đã phát tâm dựng một tượng Phật bằng đá cao hai thước rưỡi tại chùa Phật tích núi Lạn Kha, huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh. Sau đó một trăm năm, có thiền sư Không Lộ (?-1141) tạo dựng tượng Phật A Di Đà tại chùa Quỳnh Lâm. Tác giả Nguyễn Lang cho rằng: "Trong câu chuyện về Không Lộ, ta nghe nói đến việc thiền sư tạo nên tượng Phật A Di Đà của chùa Quỳnh Lâm. Không Lộ mất vào năm 1141 nhưng trước đó 100 năm, vào năm 1057, một tượng Phật A Di Đà bằng đá cao hai thước rưỡi tây đã được lang tướng của vua Lý Thánh Tông thực hiện tại núi Lạn Kha, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Tượng Di Đà này vẫn còn ở chùa Phật Tích, Bắc Ninh. Bia đá chùa Phật tích có nói về chuyện này." [29] Tịnh

độ ảnh hưởng vào các Phái thiền, quan điểm Thiền tịnh song tu hay quan niệm niệm Phật thiền cũng có nhiều thiền sư áp dụng tu tập. Thiền sư Tịnh Lực (1112-1200), học trò của thiền sư Đạo Huệ (?-1073), thuộc dòng thiền Vô Ngôn Thông tu chứng pháp Niệm Phật Tam Muội. *Thiền Uyển Tập Anh* chép: “Sư lên thẳng núi, cất am cỏ, ở tu. Trong 12 thời, sư lễ Phật sám hối, thâm nhập được phép Niệm Phật Tam Muội.” [30] Thiền sư Trần Thái Tông (1218-1277), khai thị về Pháp Niệm Phật, soạn lục thời sám hối, dạy về phương cách tọa thiền, đây là pháp tu hành thực tiễn. Chúng ta thấy, trong quá khứ vẫn đề tụng kinh và lễ Phật, niệm Phật đã được các thiền sư bắt đầu áp dụng hài hòa trong các tự viện. Tiếp theo, là phái thiền Nguyên Thiều và phái Thiền Liễu Quán xuất hiện thì áp dụng giáo lý Thiền, Tịnh, Mật phổ biến trong thời khóa tu niệm cho chư Tăng và Phật tử.

Trong thời cận đại các chùa thuộc Bắc Tông phổ biến phương pháp tụng kinh và niệm Phật. Niệm Phật vắng sanh là chánh hạnh của người xuất gia và tại gia. Các hành giả Tịnh độ còn sáng tác thơ, kệ tán dương công đức niệm Phật A Di Đà để khuyến tu. “Tu về Tịnh Độ sướng hơn tiên. Chẳng nhọc công phu, chẳng tốn tiền. Sáu chữ Di Đà tiêu nghiệp chướng, Một câu niệm Phật giải oan khiên.” [31] Thực tế, các chùa Tịnh độ Việt Nam thường kết hợp Thiền, Tịnh và Mật. Đây là cách tu phổ biến, giúp cho việc phát triển Phật Giáo toàn quốc. Đặc biệt có các hội đoàn cư sĩ ra đời, chủ trương niệm Phật và làm từ thiện. Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội Việt Nam do ông Nguyễn Văn Bồng (1886-1958) tỉnh Sa Đéc thành lập. Đến Năm 1935, ông được suy tôn là Tông Sư Minh Trí. [32] Hội Tịnh Độ Tông Việt Nam do ông Đoàn Trung Còn thành lập năm 1955, hội này phổ biến tinh thần ăn chay niệm Phật, tu phước, nguyện sanh Tịnh Độ. Về sau, có chủ trương thiền tịnh song tu, gọi là Thiền Tịnh Đạo Tràng do HT. Chơn Như Minh Trực (1895-1976) thành lập năm 1948 tại Sài Gòn. [33] Còn có pháp môn Tịnh Mật song tu do HT. Thích Thiền Tâm chủ trương tu học từ năm 1971 tại tỉnh Lâm Đồng. Nói tóm lại, từ xưa tới nay, pháp môn niệm Phật kết hợp được với pháp tu Mật, tu thiền một cách nhuần nhuyễn. Nhưng trên bình diện tính ngưỡng quần chúng, pháp môn niệm Phật dễ được tiếp nhận. Ngoài ra, các tôn giáo khác ở Việt Nam, như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật Giáo Hòa Hảo đều áp dụng pháp môn niệm Phật và pháp môn thiền.

#### **IV. Kết Luận**

Trong quá trình hình thành và phát triển Phật giáo, Phật tử Việt Nam tiếp nhận ba truyền thống Tu Tập chính yếu, đó là Thiền, Tịnh và Mật; nếu vận dụng tu tập đúng pháp thì có khả năng giải hóa mọi phiền não và được giải thoát. Ba pháp môn này là tư tưởng chủ đạo làm nên Phật giáo Việt Nam trong quá khứ cho đến hiện tại. Vấn đề thực hành, có hai cách lựa chọn: Một, người Phật tử có thể chọn một pháp môn duy nhất để tu niệm. Hai, có thể kết hợp ba phương pháp tu Thiền, Tịnh và Mật; nhưng phải chọn một pháp môn làm chính, hai pháp môn kia làm phụ trợ. Nhưng dù tu theo Pháp môn nào, người Phật tử được ghi nhận trong kinh điển Nam Tạng và Bắc Tạng là: Thực hành ba pháp Quy Y Phật, Pháp và Tăng, tiếp nhận năm giới, mười giới, Bát Quan Trai giới... Về phương diện giáo Lý thì Đại thừa hay Nguyên Thủy đều có giáo lý Tứ Đế, Duyên Khởi, Tam Pháp Ấn, Giới Định Tuệ v.v... Điều chúng ta lưu ý, các pháp môn tu đều là phương tiện. Nhưng phương tiện nào mà chúng ta tu tập thích hợp, có sự an lạc, giải thoát thì nên áp dụng.

#### **Chú thích:**

- 17) *Kinh Trường Bộ*, 32. Kinh A-Sá-Nang-Chi, HT. Thích Minh Châu dịch.
- 18) *Kinh Tạp A Hàm*, kinh 252 Ưu-Ba-Tiên-Na, Hán Dịch: Tống, Tam Tạng Cầu-Na-Bạt-Đà-La, Việt dịch: Thích Đức Thắng. *Hiệu đính & Chú thích: Thích Tuệ Sỹ*
- 19) *Tự Điển Phật Học*
- 20) Trần Sĩ Đông, *Nghiên cứu về Mật tông và Thiền tông*, Xuất xứ: Ngũ Đài Sơn Nghiên Cứu, 1993, Kỳ 3

- 21) Lê mạnh Thát, *Thiền Uyển Tập Anh*, quyển hạ, Nxb Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn 1976, tr.107
- 22) Lê mạnh Thát, *Thiền Uyển Tập Anh*, quyển thượng, Nxb Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn 1976, tr.78
- 23) Lê mạnh Thát, *Thiền Uyển Tập Anh*, quyển hạ, Nxb Đại Học Vạn Hạnh Sài Gòn 1976, tr.113
- 24) HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trường Bộ*, 1991
- 25) HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tiểu Bộ 2*, Lâu Đài Của Nàng Chiên-Đà-La, Nxb: Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, tr.119
- 26) Trần Phương Lan dịch, *Tiểu Bộ Kinh 2*, 1999
- 27) Lê Mạnh Thát, *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa Huế, Chương X, Cuộc Đời Đàm Hoảng.
- 28) Lê Mạnh Thát, *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa Huế, Chương X, Cuộc Đời Đàm Hoảng.
- 29) Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Lá Bối, Sài Gòn, 1974, tr. 184
- 30) Kim Sơn, *Thiền Uyển Tập Anh*, Lê Mạnh Thát dịch, Nxb Đại Học Vạn Hạnh-Sài Gòn, 1976, tr. 78
- 31) Thích Huệ Đăng, *Tịnh Độ Chánh Tông Diễn Giải*, 1993, tr.22 (sdd.. Trần Hồng Liên, Pháp Môn Tịnh Độ ở Nam Bộ Việt Nam)
- 32) Trần Hồng Liên, *Pháp Môn Tịnh Độ ở Nam Bộ Việt Nam*
- 33) Trần Hồng Liên, *Pháp Môn Tịnh Độ ở Nam Bộ Việt Nam*.